

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2874 /QĐ-UBND

Nam Định, ngày 24 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững
của Vườn quốc gia Xuân Thủy giai đoạn 2024 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững; Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Xét Báo cáo số 4904/BC-SNN ngày 17/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả thẩm định phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững Vườn quốc gia Xuân Thủy giai đoạn 2024 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Vườn quốc gia Xuân Thủy tại Tờ trình số 250/TTr-VQGXT ngày 20/11/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững của Vườn quốc gia Xuân Thủy giai đoạn 2024 - 2030 với những nội dung sau:

1. Tên phương án: Phương án quản lý rừng bền vững Vườn quốc gia Xuân Thủy giai đoạn 2024 - 2030 (Phương án).

2

2. Tên chủ rừng: Vườn Quốc gia Xuân Thủy.

3. Địa chỉ: Xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

4. Hiện trạng đất đai, tài nguyên rừng

a) Hiện trạng đất đai

Tổng diện tích đất là 7.110,08 ha, trong đó:

- Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: 6.166 ha; gồm:

+ Diện tích có rừng: 1.075,84 ha.

+ Diện tích đất trống: 5.090,16 ha.

- Phân khu phục hồi sinh thái: 916 ha; gồm:

+ Diện tích có rừng: 102,53 ha.

+ Diện tích đất trống: 813,47 ha.

- Phân khu dịch vụ hành chính: 28,08 ha.

+ Diện tích có rừng: 14,46 ha.

+ Diện tích đất trống: 16,62 ha.

b) Hiện trạng tài nguyên rừng

Đất có rừng đặc dụng là 1.189,83 ha, trong đó:

- Rừng tự nhiên: 114,16 ha.

- Rừng trồng: 1.075,67 ha.

5. Mục tiêu Phương án

a) Mục tiêu chung

Nhằm bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH), nâng cao giá trị phòng hộ, bảo vệ môi trường, kết hợp phát triển du lịch sinh thái (DLST), nghiên cứu khoa học, đào tạo phát triển nguồn nhân lực và góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương thuộc vùng đệm, hướng tới quản lý theo các kế hoạch một cách bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường.

b) Mục tiêu cụ thể

- Mục tiêu kinh tế: Xác định nguồn tài chính bền vững từ các hoạt động cho thuê môi trường rừng, DLST, nghỉ dưỡng, giải trí, chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR), phí, lệ phí,... để phục vụ trở lại công tác bảo vệ rừng, bảo tồn ĐDSH và phát triển Vườn quốc gia Xuân Thủy (VQG), góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương trên cơ sở tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết với các nhà đầu tư, huy động đa dạng nguồn lực tài chính, lao động để đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh DLST, cho thuê môi trường rừng.

- Mục tiêu xã hội

+ Tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương và các vùng phụ cận thông qua chia sẻ lợi ích trong nuôi trồng thủy sản và tham gia vào các chuỗi cung ứng

trong hoạt động DLST, nghỉ dưỡng, góp phần ổn định sinh kế người dân sống trong vùng đệm và phát triển kinh tế xã hội của khu vực.

+ Cho thuê môi trường rừng kinh doanh DLST, thu hút một số hộ dân vùng đệm có xuồng máy, xe điện tham gia các hoạt động DLST, góp phần cải thiện cuộc sống cho lao động địa phương, gắn với hiệu quả kinh doanh du lịch của đơn vị thuê môi trường rừng; cải tạo các công trình phúc lợi tại địa phương. Từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, nâng cao đời sống cho người dân vùng đệm xung quanh VQG.

+ Giữ gìn, phát huy văn hóa, kinh nghiệm truyền thống của cộng đồng dân cư vùng đệm trong công tác bảo vệ tài nguyên thiên nhiên; nâng cao nhận thức về bảo vệ rừng cho cộng đồng dân cư vùng đệm thông qua các hoạt động, sản phẩm du lịch, quảng bá, tuyên truyền, giáo dục gắn với văn hóa, tín ngưỡng, phong tục, tập quán của người dân địa phương. Tạo mối quan hệ mật thiết giữa lực lượng bảo vệ rừng VQG với các cộng đồng dân cư xung quanh.

+ Nâng cao năng lực về quản lý, bảo tồn, giám sát, kiểm kê rừng, ĐDSH cho cán bộ VQG.

- Mục tiêu môi trường

+ Bảo vệ nguyên vẹn diện tích rừng hiện có. Phát huy tối đa chức năng phòng hộ của rừng, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái.

+ Bảo tồn ĐDSH, duy trì, bảo vệ và phát triển bền vững các loài động vật quý, hiếm và có nguy cơ tuyệt chủng theo Sách đỏ Việt Nam và Danh lục đỏ thế giới.

+ Nâng cao hiệu quả công tác quản lý bảo vệ rừng và thực thi pháp luật về Lâm nghiệp, thủy sản và ĐDSH.

6. Những nội dung chính thực hiện Phương án

a) Kế hoạch sử dụng đất

Giai đoạn 2024 - 2030, thực hiện một số giải pháp lâm sinh tại VQG để phát triển rừng, bao gồm: Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 50 ha; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung 50 ha và thực hiện trồng mới rừng 15 ha. Đến năm 2030, diện tích đất có rừng tăng thêm 115 ha, đạt 1.304,83 ha, diện tích đất chưa có rừng giảm xuống còn 5.805,25 ha.

b) Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư

Khoán ổn định mỗi năm 1.189,83 ha.

c) Kế hoạch quản lý, bảo vệ, sử dụng rừng bền vững, bảo tồn ĐDSH

- Kế hoạch bảo vệ rừng

+ Bảo vệ rừng: Thực hiện các biện pháp bảo vệ 1.189,83 ha rừng hiện có và 115 ha diện tích rừng khoanh nuôi tái sinh và trồng mới trong giai đoạn thực hiện Phương án.

4

+ Kế hoạch Phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR): Xây dựng phương án Phòng cháy chữa cháy rừng quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 45 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 18/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Lâm nghiệp. Khi có những thay đổi về tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy rừng, VQG bổ sung, chỉnh lý kịp thời Phương án PCCCR và tổ chức thực hiện Phương án theo quy định.

- Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học: Thực hiện bảo tồn và phát triển các loài thực vật rừng ngập mặn, động vật hoang dã hiện có; bảo tồn và sử dụng bền vững cây dược liệu; tổ chức quản lý các phân vùng chức năng có giá trị bảo tồn cao; theo dõi, đánh giá biến động bãi bồi và đường bờ ven biển VQG Xuân Thủy; bảo tồn và phát triển một số loài thủy sản nguy cấp quý hiếm, có giá trị kinh tế cao; xây dựng quy chế, kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường trong khu di sản thiên nhiên.

d) Kế hoạch phát triển rừng đặc dụng, phòng hộ

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên

+ Đối tượng: Trên diện tích chưa đạt tiêu chí thành rừng: Đất có trảng cỏ, cây bụi xen cây gỗ và bãi bồi cửa sông, vùng ven biển có mật độ cây tái sinh mục đích đạt chiều cao trên 0,5 m lớn hơn 500 cây/ha. Mật độ cây tái sinh mục đích phân bố tương đối đều trên toàn diện tích hoặc có các khoảng trống dưới 1.000 m².

+ Khối lượng: 50 ha.

+ Địa điểm: Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt.

+ Thực hiện trong 06 năm, từ năm 2024 - 2029; hai năm đầu tác động ít nhất 02 lần/năm, các năm sau tác động 01 lần/năm.

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung

+ Đối tượng: Trên diện tích đất chưa đạt tiêu chí thành rừng: Đất có trảng cỏ, cây bụi xen cây gỗ và bãi bồi cửa sông, vùng ven biển có mật độ cây tái sinh mục đích đạt chiều cao trên 0,5 m từ 100 cây/ha đến dưới 500 cây/ha đối với rừng đặc dụng. Mật độ cây tái sinh mục đích phân bố không đều hoặc có các khoảng trống từ 1.000 m² đến dưới 3.000 m².

+ Khối lượng: 50 ha.

+ Địa điểm: Phân khu phục hồi sinh thái, khu hành chính dịch vụ.

+ Thực hiện trong 06 năm, từ năm 2024 - 2029.

- Trồng rừng mới, chăm sóc rừng trồng

+ Đối tượng: Diện tích đất chưa có rừng: Đất trống; đất có thực bì là cỏ thưa, lau lách; đất có cây bụi, cây gỗ rải rác, cây tái sinh mục đích có chiều cao trên 0,5 m với số lượng dưới 300 cây/ha đối với bãi bồi cửa sông, ven biển hoặc dưới 1.000 cây/ha đối với đất ngập nước, đất phèn không có khả năng tái sinh tự nhiên thành rừng.

+ Khối lượng: 15 ha.

5

+ Địa điểm: Phân khu phục hồi sinh thái, khu hành chính dịch vụ.

+ Thời gian thực hiện: Năm 2025 trồng mới 05 ha; giai đoạn 2026 - 2030 trồng mới 10 ha và hàng năm chăm sóc diện tích rừng mới trồng.

đ) Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo nguồn nhân lực

- Danh mục, kế hoạch triển khai các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học

+ Nghiên cứu quy trình nhân giống và trồng các loài thực vật có giá trị bảo tồn cao; các chương trình hợp tác quốc tế liên quan đến chia sẻ kỹ thuật, mẫu giống và kinh nghiệm trong việc bảo tồn, phát triển và ứng dụng các phương pháp nhân giống hiện đại.

+ Nghiên cứu bảo tồn và phát triển nguồn gen một số loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm và có giá trị bảo tồn cao phân bố ở VQG Xuân Thủy; hợp tác quốc tế có thể cung cấp tài trợ, chuyên gia công nghệ và đào tạo để nâng cao khả năng nghiên cứu và quản lý gen.

+ Điều tra, thu thập tiêu bản và phát triển bảo tàng VQG Xuân Thủy theo hướng công nghệ số; hợp tác quốc tế có thể cung cấp kinh phí, chuyên gia và kỹ thuật để nâng cao năng lực quản lý thông tin và phát triển bảo tàng theo tiêu chuẩn quốc tế.

+ Nghiên cứu bảo tồn sinh cảnh sống của các loài chim nước tại khu vực; hợp tác quốc tế để chia sẻ kinh nghiệm, chuyên gia công nghệ và hỗ trợ tài chính để thực hiện các hoạt động bảo tồn và nghiên cứu về chim nước.

+ Nghiên cứu ứng dụng phát triển các mô hình nuôi trồng thủy sản mang tính bền vững; hợp tác quốc tế có thể cung cấp kinh nghiệm, công nghệ và tài chính để hỗ trợ trong việc nghiên cứu, áp dụng và phổ biến các mô hình nuôi trồng thủy sản tiên tiến và bền vững.

+ Nghiên cứu về biến đổi khí hậu, hợp tác quốc tế nhằm cung cấp kiến thức và phương pháp nghiên cứu, đồng thời tạo điều kiện cho việc chia sẻ thông tin và tìm kiếm giải pháp chung để thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Nghiên cứu xây dựng mô hình DLST bền vững tại khu vực; hợp tác quốc tế có thể cung cấp kinh nghiệm và hỗ trợ về quản lý du lịch bền vững, marketing và phát triển cộng đồng, từ đó giúp xây dựng một mô hình du lịch có lợi cho cả môi trường và cộng đồng địa phương.

+ Xây dựng, hoàn thiện quy trình cứu hộ động vật hoang dã, đào tạo và nâng cao chuyên môn về công tác cứu hộ động vật hoang dã. Đầu tư hệ thống chuồng trại phù hợp.

- Nhu cầu và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

+ Đào tạo dài hạn: Hỗ trợ đào tạo sau đại học cho 03 cán bộ đi học tập nâng cao trình độ tại các cơ sở chuyên môn, cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo dài hạn trên 02 năm (Thạc sĩ hoặc Tiến sĩ) nhằm đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện công

6

việc, khuyến khích cán bộ, công nhân viên học tập trau dồi thêm ngoại ngữ.

+ Đào tạo ngắn hạn: Tổ chức 47 lớp tập huấn, đào tạo ngắn hạn về chuyên môn nghiệp vụ như: Ứng dụng công nghệ GIS và viễn thám; công tác cứu hộ, bảo tồn các loài động thực vật; bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ phát triển DLST cho cán bộ, viên chức; đào tạo nhân viên truyền thông và quản lý sử dụng Website và quản trị mạng; kỹ năng làm việc với cộng đồng; tập huấn các văn bản pháp luật về lâm nghiệp và kỹ năng tuyên truyền; ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý bảo vệ rừng và tập huấn về công tác bảo tồn ĐDSH cho cán bộ, công nhân viên của VQG; ứng dụng khoa công nghệ cao trong điều tra, giám sát, quản lý tài nguyên rừng và nghiên cứu khoa học; nhận dạng và kỹ năng điều tra, giám sát ĐDSH,...

+ Tham quan, học tập kinh nghiệm: Tổ chức 18 chuyến tham quan, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước về mô hình bảo tồn ĐDSH; quản lý bảo vệ và phát rừng; phát triển DLST cho khoảng 270 lượt cán bộ, công nhân viên của VQG.

e) Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

- Nội dung thực hiện

+ Xây dựng đề án phát triển DLST VQG Xuân Thủy.

+ Xây dựng mới và nâng cấp cơ sở hạ tầng thuật thiết yếu (cơ sở lưu trú, nhà hàng, nhà nghỉ, chòi quan sát, khu vui chơi giải trí, bãi đỗ xe, khu thu gom - xử lý rác, hệ thống bảng biểu chỉ dẫn, nhà vệ sinh công cộng, nhà chờ du khách, các kiot bán hàng lưu niệm, bãi cắm trại,...) để phục vụ phát triển DLST và du khách tại các địa điểm đang thực hiện (Bãi Trong) và khu vực dự kiến cho thuê môi trường rừng (Vườn thực vật).

+ Đào tạo và nâng cao năng lực cho cán bộ, viên chức VQG Xuân Thủy và người dân địa phương trong việc cung cấp các dịch vụ du lịch đảm bảo chất lượng.

+ Thu hút sự tham gia tích cực của người dân địa phương vào hoạt động du lịch từ đó tạo thu nhập ổn định, đồng thời khuyến khích người dân tham gia tích cực vào hoạt động bảo tồn tài nguyên thiên nhiên trong khu vực.

+ Nâng cao khả năng thu hút các đối tượng khách du lịch thông qua các hoạt động quảng bá xúc tiến du lịch, giáo dục môi trường và liên kết với các điểm du lịch khác.

+ Tạo mạng lưới giữa VQG và các điểm tuyến du lịch trong vùng để hình thành tour du lịch liên vùng.

- Định hướng phát triển các sản phẩm, dịch vụ du lịch

+ Sử dụng môi trường rừng đặc dụng để kinh doanh dịch vụ DLST, nghỉ dưỡng, giải trí: DLST, khám phá thiên nhiên, du lịch văn hóa, tâm linh, du lịch chuyên đề (khu vui chơi giải trí cao cấp), du lịch nghỉ dưỡng, du lịch thể thao, du lịch hội nghị, hội thảo, vui chơi giải trí cao cấp.

+ Du lịch giáo dục môi trường: Đối tượng hướng đến chủ yếu là học sinh,

7

sinh viên: Tổ chức tham gia các hoạt động tìm hiểu về ĐDSH như tìm hiểu về đường bay chim di cư, các loài chim di cư và chim nước trong mùa di cư từ tháng 11, 12 năm trước đến tháng 3, 4 năm sau; khám phá hệ sinh thái rừng ngập mặn; khám phá các khu nuôi trồng thủy hải sản; khám phá và trải nghiệm du lịch nuôi ngao ở các bãi bồi ngập triều.

+ Du lịch sinh thái kết hợp hội nghị, hội thảo và nghiên cứu, đào tạo, tổ chức sự kiện; tổ chức các hoạt động sinh hoạt cộng đồng kết hợp tham quan, tìm hiểu văn hóa cộng đồng địa phương.

- Dự kiến các địa điểm, khu vực tổ chức DLST, nghỉ dưỡng, giải trí

Tổng số khu vực dự kiến tổ chức DLST là 04 điểm thuộc phân khu dịch vụ hành chính (DVHC), 05 tuyến tại các khu vực thuộc phân khu DVHC và bảo vệ nghiêm ngặt (BVNN).

Các điểm quy hoạch cho phát triển dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn quốc gia Xuân Thủy giai đoạn 2024 - 2030

TT	Tên các tuyến, điểm DLST	Quy mô (km, ha)	Vị trí	Mục đích hoạt động
I	Các điểm DLST	28,08 ha		
1	Trạm bảo vệ Tài nguyên môi trường Cồn Ngạn	0,08 ha	Cồn Ngạn 3-DVHC	Cho thuê môi trường rừng để tổ chức DLST
2	Trạm bảo vệ Tài nguyên môi trường Cồn Lu	2,0 ha	Cồn Lu 6-DVHC	Cho thuê môi trường rừng để tổ chức DLST
3	Trụ sở Vườn quốc gia	10 ha	Bãi Trong 2-DVHC	- Định hướng phát triển các sản phẩm du lịch và dịch vụ như giáo dục môi trường; các dịch vụ thăm quan khám phá thiên nhiên, ngắm cảnh theo tuyến có hướng dẫn; dịch vụ vận chuyển; dịch vụ bán hàng lưu niệm và các sản phẩm địa phương; dịch vụ hội nghị, hội thảo, dịch vụ vui chơi, giải trí, ... - Cho thuê môi trường rừng ở khu vực rừng trồng 7,4 ha để tổ chức DLST.
4	Vườn thực vật	16 ha	Cồn Ngạn 4-DVHC	Cho thuê môi trường rừng để tổ chức DLST; du lịch trải nghiệm thiên nhiên; du lịch khám phá; du lịch hội nghị, hội thảo. Định hướng các sản

TT	Tên các tuyến, điểm DLST	Quy mô (km, ha)	Vị trí	Mục đích hoạt động
				phẩm, dịch vụ du lịch như: quan sát thiên nhiên từ trên cao (thông qua chòi quan sát), dịch vụ DLST; dịch vụ nghỉ dưỡng, giải trí; dịch vụ chăm sóc sức khỏe; dịch vụ hội nghị, hội thảo; dịch vụ tắm biển, cắm trại; dịch vụ lưu trú, ẩm thực,....
II	Các tuyến DLST	66 km		
1	Tuyến 1: Tuyến du thuyền cửa sông	10 km	Sông Trà, Cồn Lu	<ul style="list-style-type: none"> - Tham quan khám phá hệ sinh thái đất ngập nước, rừng ngập mặn, các khu vực canh tác nuôi ngao vạng. - Khám phá các quần thể chim nước kiếm ăn tại khu vực cửa sông. - Du lịch trải nghiệm thiên nhiên.
2	Tuyến số 2: Tuyến xem chim	15 km	Sông Vọt, Bãi trong; đầm NTTS Cồn Ngạn, các bãi ngập triều Cồn Lu	<ul style="list-style-type: none"> - Tham quan, khám phá khu hệ chim nước, chim di cư. - Khám phá, trải nghiệm xem các loài chim rừng.
3	Tuyến số 3: Tuyến điền dã - Tuyến đi bộ	10 km	Cồn Ngạn	<ul style="list-style-type: none"> - Khám phá hệ sinh thái nông nghiệp; nông, lâm ngư kết hợp. - Du lịch thể thao, chụp ảnh. - Du lịch xem chim, chụp ảnh động vật hoang dã.
4	Tuyến số 4: Tuyến du khảo đồng quê - Tuyến nhân văn	28 km	Giao Thiện, Giao An, Giao Lạc, Giao Hải, Giao Xuân	<ul style="list-style-type: none"> - Tham quan khám phá các khu vực canh tác nông nghiệp; khám phá văn hóa địa phương; các công trình kiến trúc địa phương. - Du lịch tâm linh. - Du lịch cộng đồng. - Du lịch ẩm thực. - Du lịch nghỉ dưỡng, giải trí.
5	Tuyến số 5: Trải nghiệm khám phá ĐDSH	3 km	Giao Thiện, Giao An, Giao Lạc	Tham quan, tìm hiểu về các loài cây ngập mặn; tìm hiểu và khám phá tập tính của các loài thủy sinh tại khu

TT	Tên các tuyến, điểm DLST	Quy mô (km, ha)	Vị trí	Mục đích hoạt động
				vực; trải nghiệm khai thác ngao, đánh bắt thủy sản.

- Các phương thức tổ chức thực hiện: Xây dựng đề án DLST, nghỉ dưỡng, giải trí. Sau khi đề án được duyệt, chủ rừng phối hợp với tổ chức, cá nhân lập dự án đầu tư DLST, nghỉ dưỡng, giải trí theo phương thức: (i) VQG Xuân Thủy liên kết với các tổ chức, cá nhân tổ chức thực hiện du lịch, DLST và (ii) Nhà đầu tư trực tiếp đầu tư hạ tầng, tổ chức thực hiện theo phương thức thuê môi trường rừng để kinh doanh DLST; VQG Xuân Thủy cho thuê môi trường rừng để trồng dược liệu, nuôi ong dưới tán rừng kết hợp DLST theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

g) Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng

Khối lượng và vị trí thực hiện: Căn cứ tình hình thực tiễn và nhu cầu đầu tư, trong giai đoạn đến năm 2030, VQG Xuân Thủy dự kiến đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như sau:

Các hạng mục dự kiến đầu tư xây dựng trong giai đoạn 2024 - 2030

TT	Tên hạng mục	ĐVT	Số lượng
1	Công trình Trụ sở làm việc của VQG		
-	Sửa chữa, nâng cấp Trụ sở làm việc	Công trình	01
-	Nâng cấp, sửa chữa nhà công vụ: Trung tâm nghiên cứu khoa học thực nghiệm; trung tâm đào tạo và giáo dục môi trường; nhà bảo tàng; nhà dịch vụ; nhà ở tập thể; nhà ăn, nhà bếp, nhà kho; nhà thường trực.	Công trình	08
-	Sửa chữa, cải tạo hệ thống sân vườn và các công trình phụ trợ khu vực Trụ sở (hàng rào, đường nội bộ ...).	Công trình	05
2	Công trình quản lý, bảo vệ rừng		
a	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp trạm TNMT	Công trình	02
b	Xây dựng, tu sửa nâng cấp hệ thống đường tuần tra, hệ thống bảng nội quy bảo vệ rừng		
-	Xây dựng mới tuyến đường tuần tra kết hợp DLST	Km	08
-	Sửa chữa hệ thống đường tuần tra	Km	04
-	Xây dựng mới bảng nội quy bảo vệ rừng	Bảng	05

TT	Tên hạng mục	ĐVT	Số lượng
-	Sửa chữa, tu bổ bảng nội quy bảo vệ rừng	Bảng	06
c	Xây dựng bổ sung mốc ranh giới		
-	Xây dựng hồ sơ mốc giới VQG	Công trình	01
-	Cắm mốc ngoài thực địa (Mốc ranh giới)	Mốc	175
-	Xây dựng biển báo chỉ dẫn về ranh giới	Biển	30
3	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ công tác PCCCR		
a	Xây dựng mới, nâng cấp sửa chữa chòi quan sát lửa rừng kết hợp quan sát các loài chim nước, chim di cư		
-	Xây dựng mới chòi quan sát lửa rừng kết hợp quan sát các loài chim nước, chim di cư	Chòi	01
-	Nâng cấp sửa chữa chòi quan sát lửa rừng kết hợp quan sát các loài chim nước, chim di cư	Chòi	03
b	Bảng cấp dự báo cháy rừng		
-	Xây dựng mới bảng cấp dự báo cháy rừng tự động	Bảng	02
-	Xây dựng mới bảng cấp dự báo cháy rừng thủ công	Bảng	02
-	Sửa chữa, cải tạo bảng cấp dự báo cháy rừng	Bảng	04
c	Làm mới biển cấm lửa rừng, cấm chặt cây rừng, bảng tuyên truyền		
-	Biển cấm lửa hình tam giác 60 x 60 x 60	Biển	10
-	Biển cấm chặt phá rừng và săn bẫy động vật hoang dã (hình chữ nhật 80x120 cm)	Biển	10
-	Bảng tuyên truyền tại các khu dân cư (4m x 5m)	Bảng	10
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển DLST		
-	Xây dựng mới khu vực bãi cắm trại	Công trình	03
-	Xây dựng nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn theo quy hoạch của ngành Du lịch.	Công trình	05
-	Khuôn viên cảnh quan, đường giao thông nội vùng và hệ thống các công trình phụ trợ (khu thể dục thể thao,...)	Khu	01
-	Xây dựng mới các công trình phục vụ dịch vụ DLST như	Công trình	04

TT	Tên hạng mục	ĐVT	Số lượng
	hệ thống nhà hàng, nhà nghỉ sinh thái, các kiot bán hàng lưu niệm, bãi đỗ xe, công trình vệ sinh.		
-	Xây dựng mới các đường mòn sinh thái, bảng biểu chỉ dẫn, diễn giải môi trường...	Km	20
-	Xây dựng mới bảng biển quảng bá du lịch VQG Xuân Thủy.	Biển	05
-	Xây mới các trạm nghỉ chân trên các tuyến đường DLST.	Trạm	04

h) Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng

- Dịch vụ được tiến hành

+ Các hoạt động chi trả DVMTR được tiến hành ở VQG Xuân Thủy:

Tham gia cung ứng DVMTR (cho thuê môi trường rừng) cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ DLST, nghỉ dưỡng, giải trí, với mức tối thiểu không dưới 1% trên tổng doanh thu thực hiện trong kỳ và cụ thể mức chi trả DVMTR do bên cung ứng và bên sử dụng tự thỏa thuận.

Tham gia liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ DLST, nghỉ dưỡng, giải trí tại các khu vực có nhiều tiềm năng, trên cơ sở cùng chia sẻ lợi ích và VQG Xuân Thủy có trách nhiệm quản lý về mặt tác động sinh thái tại khu du lịch.

Tham gia cung ứng DVMTR cho các cơ sở nuôi trồng thủy sản quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 63 Luật Lâm nghiệp là doanh nghiệp nuôi trồng thủy sản hoặc doanh nghiệp liên kết với các hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản.

Tham gia cung cấp DVMTR hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng, giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính bằng các biện pháp ngăn chặn suy thoái rừng, giảm diện tích rừng và phát triển rừng bền vững.

+ Hoạt động cho thuê môi trường rừng:

Trên cơ sở tiềm năng và giá trị tài nguyên thiên nhiên trong khu vực, dự kiến các điểm/khu vực trong VQG Xuân Thủy có thể cho thuê môi trường rừng với quy mô, diện tích cụ thể như sau:

Các khu vực cho thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ DLST, nghỉ dưỡng, giải trí

Phân khu/Địa điểm	Diện tích (ha)	Ghi chú
PHÂN KHU DVHC	28,08	
Trạm bảo vệ Tài nguyên môi trường Cồn Ngạn	0,08	Nằm trong khuôn viên Trạm Kiểm lâm Cồn Ngạn thuộc Hạt kiểm lâm Giao Xuân Hải.

Trạm bảo vệ Tài nguyên môi trường Cồn Lu	2,00	Nằm ở khu vực Đông Cồn Lu
Trụ sở Vườn quốc gia	10,00	Bãi Trong
Khu vực Vườn thực vật	16,00	Thuộc Cồn Ngạn

- Tổ chức thực hiện

+ Sau khi đề án DLST, nghỉ dưỡng, giải trí VQG Xuân Thủy được phê duyệt, VQG Xuân Thủy xây dựng dự án cho thuê môi trường rừng trình UBND tỉnh Nam Định phê duyệt và thu hút các tổ chức/cá nhân có đủ chức năng và năng lực tài chính thuê môi trường rừng để phát triển DLST, nghỉ dưỡng, giải trí. Việc xây dựng dự án DLST, nghỉ dưỡng, giải trí phải tuân thủ theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

+ Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê môi trường rừng trong lâm phận quản lý của VQG Xuân Thủy phải chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành về Luật Đất đai, Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Lâm nghiệp, Luật ĐDSH và các quy định khác về kinh doanh DLST, nghỉ dưỡng, giải trí.

+ Sau khi có quyết định cho thuê môi trường rừng của cấp có thẩm quyền, VQG Xuân Thủy có thể ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng với các nhà đầu tư và có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng thực hiện dự án theo đúng Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí VQG Xuân Thủy và quy định của pháp luật hiện hành.

i) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng

- Đối tượng: Người dân địa phương, khách du lịch, các trường học và các cơ quan, tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn.

- Nội dung hoạt động

+ Tổ chức các cuộc thi nhằm phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

+ Tuyên truyền thông qua phát thanh, truyền hình, trang mạng xã hội nhằm nâng cao mức độ phủ sóng và tăng cường sự chú ý của người dân địa phương về công tác bảo vệ, phát triển rừng. Chú trọng nội dung tuyên truyền về chủ trương, chính sách, quy định của pháp luật về quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng và bảo tồn ĐDSH.

+ Biên tập và cấp phát tờ rơi tuyên truyền về bảo vệ rừng, bảo tồn ĐDSH; Poster tuyên truyền bảo vệ rừng; các ấn phẩm phục vụ công tác tuyên truyền giáo dục như Tập san, cẩm nang.

+ Xây dựng, xuất bản các ấn phẩm truyền thông: Tờ rơi, poster, sách về VQG, sách thực vật, sách động vật, các chương trình truyền hình, video, đồ lưu niệm,...

+ Đưa các hoạt động tuyên truyền về bảo vệ rừng, phòng chống săn bắt động vật hoang dã, bảo tồn các loài quý hiếm vào chương trình ngoại khóa của nhà trường; lồng ghép nội dung tuyên truyền trong các Hội nghị của các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn.

+ Đa dạng hóa các hình thức tìm hiểu về VQG Xuân Thủy như: Tổ chức hội thi tìm hiểu về VQG trực tiếp và trực tuyến; tổ chức triển lãm;...

+ Họp thôn (xóm) tuyên truyền chính sách bảo vệ rừng, phát triển vùng đệm, bảo tồn ĐDSH.

+ Họp, ký hương ước về bảo vệ rừng và không sử dụng động vật hoang dã.

+ Hội nghị đánh giá quy chế phối hợp bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng với các đơn vị chức năng, UBND các xã vùng đệm.

k) Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, điều tra, kiểm kê rừng

- Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng: Thực hiện theo dõi diễn biến rừng và phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong quá trình thực hiện; khi có biến động về rừng có trách nhiệm báo cáo Hạt Kiểm lâm cấp huyện theo quy định.

- Giám sát đa dạng sinh học: Biến động về thành phần, số lượng loài thực vật rừng tại VQG Xuân Thủy; biến động về thành phần, số lượng quần thể các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo quy định tại Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 và Nghị định số 64/2019/NĐ-CP 16/7/2019 của Chính phủ; biến động về loài, quần thể, sinh cảnh, quá trình sinh thái; nắm rõ hơn về tình trạng hiện tại của ĐDSH, phát hiện sớm các dấu hiệu suy giảm và đánh giá hiệu quả của các biện pháp bảo tồn; tình hình cải thiện chất lượng rừng thông qua các đề tài nghiên cứu khoa học.

- Điều tra, kiểm kê rừng: Thực hiện điều tra rừng 05 năm một lần theo quy định tại Điều 33 và thực hiện kiểm kê rừng 10 năm một lần phù hợp với thời điểm kiểm kê đất đai theo quy định tại Điều 34 Luật Lâm nghiệp năm 2017.

7. Dự kiến nhu cầu và nguồn vốn thực hiện

Dự kiến tổng nhu cầu vốn thực hiện Phương án: 261.091,71 triệu đồng, gồm:

- Vốn hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước: 218.260,88 triệu đồng. Trong đó, 200.000 triệu đồng từ kế hoạch đầu tư công trung hạn đề nghị hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 theo Báo cáo số 286/BC-UBND ngày 28/9/2024 của UBND tỉnh đã báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

- Nguồn vốn khác: 42.830,83 triệu đồng từ lợi nhuận của các hoạt động dịch vụ, bộ phận kinh doanh; lợi nhuận thu được từ các hoạt động liên doanh, liên kết, cho thuê môi trường rừng để kinh doanh DLST, nghỉ dưỡng, giải trí; nguồn vốn từ tiền chi trả DVMTR/dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên; vốn xã hội hóa, vốn từ các dự án quốc tế tài trợ và các nguồn vốn khác.

8. Giải pháp thực hiện

a) Giải pháp về công tác quản lý, nguồn nhân lực

- Xây dựng đề án thành lập lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng theo quy định tại Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/1/2019 của Chính phủ.

- Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ, làm căn cứ bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn để xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ và năng lực, thành thạo về chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng được yêu cầu bảo vệ và phát triển rừng của VQG Xuân Thủy và hiểu rõ về Luật Lâm nghiệp, các Nghị định, Quyết định, Thông tư quy định về quản lý bảo vệ rừng.

- Phối hợp với các trường, Viện nghiên cứu tạo điều kiện cho cán bộ, công chức theo học các lớp cao học và nghiên cứu sinh theo lộ trình của chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực và nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng tin học cho cán bộ VQG Xuân Thủy.

b) Giải pháp về phối hợp với các bên liên quan

- Xây dựng kế hoạch phối hợp giữa VQG Xuân Thủy với các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị lực lượng vũ trang, cộng đồng dân cư để tạo nên sức mạnh tổng hợp thực hiện các kế hoạch quản lý bảo vệ và phát triển rừng một cách toàn diện, hiệu quả.

- Phối hợp với chính quyền địa phương ký cam kết bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng với người dân sinh sống trên địa bàn VQG Xuân Thủy.

- Tăng cường phối hợp giữa VQG Xuân Thủy với lực lượng kiểm lâm trên địa bàn để đảm bảo mạng lưới tuần tra bảo vệ chặt chẽ và tối ưu; phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật trên địa bàn VQG Xuân Thủy nói riêng và địa bàn các xã vùng đệm nói chung.

- Thông báo các quy định về giải quyết tranh chấp để người dân được biết và cùng phối hợp với VQG Xuân Thủy trong việc thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng và đất rừng.

c) Giải pháp về khoa học, công nghệ

- Từng bước triển khai ứng dụng khoa học công nghệ, các phần mềm chuyên dụng hỗ trợ công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

- Tạo cơ hội cho cán bộ kỹ thuật tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu để nâng cao năng lực và kỹ năng về nghiên cứu khoa học.

- Phối hợp với các tổ chức quốc tế, các trường đại học, viện nghiên cứu xây dựng và thực hiện dựng các chương trình/dự án khoa học và công nghệ.

- Tổ chức thực hiện điều tra, đánh giá về tài nguyên, đặc biệt là hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên, ĐDSH và các loài quý hiếm, đặc hữu,...

- Thực hiện các chương trình/dự án nghiên cứu về bảo tồn nói chung, trong đó ưu tiên các loài đặc hữu, quý hiếm.

- Xây dựng kế hoạch triển khai ứng dụng khoa học công nghệ trong tổ chức quản lý, bảo vệ và phát triển VQG Xuân Thủy. Đầu tư trang thiết bị, áp dụng công nghệ thông tin nhằm bảo tồn ĐDSH, đặc biệt là các loài đặc hữu, quý, hiếm.

- Sử dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý cơ sở dữ liệu và quảng bá hình ảnh của VQG Xuân Thủy: Công nghệ theo dõi diễn biến tài nguyên rừng từ ảnh vệ tinh, công nghệ kỹ thuật số, công nghệ xử lý, cập nhật thông tin.

- Nghiên cứu và xây dựng các công cụ, giải pháp quản lý, khoa học, công nghệ, kỹ thuật trong bảo tồn ĐDSH và phát triển bền vững các hệ sinh thái tại VQG Xuân Thủy.

d) Giải pháp về cơ chế chính sách và thu hút vốn đầu tư

- Ngân sách nhà nước: Sử dụng chi thường xuyên, chi cho công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng, xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thiết yếu; tập huấn, tuyên truyền bảo vệ rừng,...

- Nguồn vốn đơn vị: Bao gồm nguồn vốn thu từ lợi nhuận của các hoạt động dịch vụ, bộ phận kinh doanh; lợi nhuận thu được từ các hoạt động liên doanh, liên kết, nguồn vốn chi trả DVMTR; cho thuê môi trường rừng để kinh doanh DLST, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Vốn liên doanh, liên kết, vốn xã hội hóa: Vốn phát triển du lịch do các công ty du lịch đầu tư; vốn huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân để đầu tư phát triển DLST và bảo tồn phát triển rừng đặc dụng; các nguồn tài trợ quốc tế.

(Chi tiết các nội dung tại Phương án quản lý rừng bền vững và bản đồ kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện Phương án

1. Trách nhiệm của các sở, ngành, đơn vị có liên quan

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Vườn quốc gia Xuân Thủy tổ chức thực hiện Phương án đúng quy định của pháp luật; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trong việc cân đối, bố trí nguồn vốn thực hiện phương án.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối và bố trí các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và hướng dẫn các thủ tục đầu tư để thực hiện có hiệu quả các nội dung của Phương án.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường: Chỉ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong công tác đo đạc, cắm mốc ranh giới.

d) UBND huyện Giao Thủy

- Thực hiện quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật; chỉ đạo, giám sát Vườn quốc gia Xuân Thủy thực hiện các nội dung Phương án được phê duyệt.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện phương án.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác đo đạc, cắm mốc ranh giới.

2. Trách nhiệm của Vườn quốc gia Xuân Thủy

- Tổ chức công bố và triển khai thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2024 - 2030 theo đúng các nội dung được phê duyệt và các quy định của pháp luật.

- Xây dựng kế hoạch hàng năm và cả giai đoạn, hoạch toán, huy động các nguồn vốn để triển khai thực hiện Phương án đảm bảo đúng mục tiêu, tiến độ và đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các hạng mục, công trình cụ thể phải có chủ trương, lập và xây dựng hồ sơ trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện theo quy định.

- Căn cứ vào các quy định hiện hành của pháp luật, diễn biến tài nguyên rừng, biến động đất đai được giao quản lý và tình hình thực tiễn từng giai đoạn đề xuất, bổ sung điều chỉnh Phương án phù hợp và tổ chức quản lý hiệu quả, bền vững tài nguyên được giao.

- Hàng năm báo cáo UBND huyện Giao Thủy, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả thực hiện Phương án Quản lý rừng bền vững.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Giao Thủy; Giám đốc Vườn quốc gia Xuân Thủy; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng